





## CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Điện thoại: 02273.643826 – Fax: 02273.642.312

### THÔNG BÁO

## MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

**Kính gửi: Quý cổ đông**

**Điện thoại:**

**Địa chỉ:**

**Số ĐK Sở hữu:**

**Số cổ phần sở hữu:**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Damsan trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức như sau:

**1. Thời gian:** 9h00, Thứ bảy, ngày 27 tháng 06 năm 2020

**2. Địa điểm:** Khách sạn White Place, 245B Trần Thái Tông, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình.

**3. Nội dung Đại hội:**

- Báo cáo hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2019 & phương hướng nhiệm vụ năm 2020
- Báo cáo hoạt động của HĐQT
- Báo cáo của Ban Kiểm soát
- Thông qua các báo cáo Ban TGD, HĐQT và BKS
- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 đã được kiểm toán.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020
- Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020
- Thông qua việc sửa đổi điều lệ
- Ủy quyền cho HĐQT Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2020.
- Tờ trình về việc góp vốn cổ phần
- Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu
- Và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ (nếu có)

**4. Thành phần tham dự**

4.1 Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Damsan có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 01/06/2020 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

4.2 Trường hợp cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội (hoặc thành viên Hội đồng quản trị). Người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền (theo mẫu gửi kèm) và giấy CMND hoặc hộ chiếu khi vào tham dự ĐHCĐ.

**5. Đăng ký tham dự Đại hội**

5.1 Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền dự họp (theo mẫu gửi kèm) và gửi trực tiếp theo đường bưu điện hoặc fax về Văn phòng Công ty (theo thông tin liên hệ Mục 6 dưới đây) trước 16 giờ ngày 24 tháng 06 năm 2020.

5.2 Quý cổ đông có thể tham khảo hoặc tải tài liệu họp và một số tài liệu khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông năm 2020 trên website Công ty: <http://damsanjsc.vn/>

**6. Thông tin liên hệ:** Công ty cổ phần Damsan

+ Địa chỉ: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

+ Điện thoại: 02273.643.826 - Fax: 02273.642.312

**Lưu ý:** Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông mang theo Thông báo mời họp, Giấy đăng ký hoặc Giấy ủy quyền tham dự Đại hội, Chứng minh thư nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu.

**Trân trọng thông báo!**

**Nơi nhận:**

- Các quý vị cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- TGD, PTGD Công ty;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**VŨ HUY ĐÔNG**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

*Thời gian* : 9h00, ngày 27 tháng 06 năm 2020

*Địa điểm* : Khách sạn White Place, 245B Trần Thái Tông, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình.

STT	Nội dung	Người thực hiện
1	Đón tiếp cổ đông và Đại biểu tham dự, phát tài liệu	Ban lễ tân
2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
3	Khai mạc Đại hội, giới thiệu đại biểu	MC
4	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch Đại hội	MC
5	- Chỉ định Ban thư ký - Đề xuất và thông qua Ban kiểm phiếu - Thông qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 - Thông qua chương trình Đại hội	Đoàn chủ tịch
6	<b>Các báo cáo, tờ trình:</b> - Báo cáo hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2019 & phương hướng nhiệm vụ năm 2020 - Báo cáo hoạt động của HĐQT - Báo cáo của Ban Kiểm soát - Thông qua các báo cáo Ban TGD, HĐQT và BKS - Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 đã được kiểm toán. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 - Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020 - Thông qua việc sửa đổi điều lệ - Ủy quyền cho HĐQT Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2020. - Tờ trình về việc góp vốn cổ phần - Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu - Và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (nếu có)	Đoàn chủ tịch
7	Thảo luận, biểu quyết thông qua các tờ trình	ĐHĐCĐ
8	Nghỉ giải lao	ĐHĐCĐ
9	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Đoàn chủ tịch
10	Bế mạc đại hội	Đoàn chủ tịch

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÍ THAM DỰ**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Damsan**

- Tên cá nhân/tổ chức:.....
- Số CMND/HC/GPĐKKD Số:..... Ngày cấp : ..... Nơi cấp: .....
- Địa chỉ : .....
- Điện thoại:.....
- Số cổ phần sở hữu: .....
- (Bằng chữ : .....) )

Tôi/Chúng tôi đã nhận được thông báo mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Damsan và đồng ý xác nhận sẽ tham dự Đại hội.

....., ngày ... tháng ... năm 2020

**CỔ ĐÔNG**

*(Kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)*

**\* Ghi chú:**

1. Quý cổ Cổ đông khi tham dự vui lòng đem theo CMND/CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính)
2. Đối với trường hợp người được ủy quyền tham dự đại hội hồ sơ bao gồm: Giấy ủy quyền tham dự (theo mẫu công ty) trong đó ghi đầy đủ thông tin, số điện thoại bên ủy quyền, và xuất trình CMND/CCCD hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính).
3. Quý cổ đông có thể gửi giấy đăng ký này qua Fax, hoặc đường bưu điện về Công ty trước **16h00' ngày 24/06/2020:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN**

Địa chỉ: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn ĐứcCảnh, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Điện thoại: 02273.643.826 - Fax: 02273.642.312

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 2020

**GIẤY ỦY QUYỀN**

*(Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Damsan)*

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Damsan (ADS)**

**1. Bên ủy quyền:**

- Tên cá nhân/tổ chức:.....
- Số CMND/CCCD/HC/ĐKKD Số:..... Ngày cấp : ..... Nơi cấp: .....
- Địa chỉ : .....
- Điện thoại (bắt buộc ghi):.....
- Số cổ phần sở hữu: .....
- (Bằng chữ : .....

**2. Bên được ủy quyền:**

- Tên cá nhân : .....
- Số CMND/HC: ..... Ngày cấp : ..... Nơi cấp: .....
- Địa chỉ : .....
- Điện thoại: .....
- Số cổ phần được ủy quyền : .....
- (Bằng chữ : .....

*Hoặc Quý cổ đông có thể ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị của ADS theo danh sách dưới đây:*

STT	Họ Tên	Chức danh	Số cổ phần ủy quyền
1	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	
3	Ông Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT	
4	Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	
5	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	
6	Ông Phạm Văn Thượng	Thành viên HĐQT độc lập	
<b>Tổng số cổ phần ủy quyền</b>			

**3. Nội dung ủy quyền :**

Tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của ADS. Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ ADS.

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**BÊN ỦY QUYỀN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú :

- Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì cần có thêm chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức
- Đối với trường hợp người được ủy quyền tham dự đại hội hồ sơ bao gồm: Giấy ủy quyền tham dự (theo mẫu công ty) trong đó ghi đầy đủ thông tin, số điện thoại bên ủy quyền, và xuất trình CMTND hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính).
- Quý cổ đông có thể gửi giấy đăng ký này qua Fax (02273.642.312), email: hc1@damsanjsc.vn hoặc đường bưu điện Công ty cổ phần Damsan, Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, TP Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, **trước 16h00' ngày 24/06/2020.**

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019, KẾ HOẠCH NĂM 2020**

### **I. Những thách thức và thuận lợi trong năm 2019**

Tại đại hội đồng cổ đông năm 2019 trong báo cáo đã dự báo cả năm và có các giải pháp để vượt qua năm 2019

Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc kéo dài suốt năm 2019 làm toàn bộ ngành sản xuất cốt lõi của công ty là sợi CD và OE mất giá thê thảm. Nhằm đảm bảo sản xuất đuổi theo quy luật của thị trường về giá cả nguyên liệu, thành phẩm và đảm bảo thu được khấu hao, lãi vay, thu nhập của người lao động cũng như thanh khoản với ngân hàng.

Do giá cả các ngành hàng dệt may bị áp thuế bởi cuộc chiến Mỹ Trung nên cả năm 2019 mặt hàng sợi bông bị lỗ rất nặng.

Đối với các ngành hàng khác ít ảnh hưởng hơn công ty đã tập trung chỉ đạo điều hành một cách linh hoạt, tối đa hóa lợi nhuận. Cụ thể là mặt hàng khăn bông xuất khẩu sang Nhật Bản, mặt hàng kinh doanh bất động sản, bán nhà xây thô cho các hộ dân.

Kinh doanh tài chính nhằm giảm lãi tiền vay của toàn công ty trong năm 2019 (có báo cáo kiểm toán kèm theo)

Trên cơ sở hoạt động chung của toàn công ty, năm 2019 vẫn đảm bảo hoạt động ổn định và công ty không bị quá thiệt hại khi ngành hàng sợi bị lỗ tới hơn 60 tỷ đồng.

### **II. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2019**

Với tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do những tác động trực tiếp từ nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, nội tại sản xuất của công ty...vv, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn trong năm 2019.

1. Sản xuất sợi và xuất khẩu sợi :

+ Sản lượng sợi CD và sợi xe : 13.989 tấn

+ Sản lượng sợi OE : 3.844 tấn

2. Sản xuất khăn và xuất khẩu khăn

+ Khăn cao cấp : 636.4 tấn

+ Khăn thủ công : 974.5 tấn

3. Tổng doanh số : 1.705 tỷ

***\*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019***

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng (giảm) năm 2019/2018
1	Tổng tài sản	1.712	1.733	+1,23
2	Vốn chủ sở hữu	451,9	403,1	(10.80)
3	Doanh thu thuần	1.839	1.705	(7.29)
Trong đó	Doanh thu từ KD sợi, khăn	1.692	1.514,6	(10.48)
	Doanh thu từ BĐS	147	190,4	+29.52
6	Lợi nhuận trước thuế	61,5	9,60	(84.34)
7	Lợi nhuận sau thuế	56,4	7,86	(86.06)

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)

Về quy mô tổng tài sản của công ty, năm 2019 giá trị tổng tài sản của công ty đạt mức 1.733 tỷ đồng, tăng 21 tỷ đồng, tương đương tăng 0.12% so với năm 2018

Doanh thu của công ty đạt hơn 1.705 tỷ đồng, giảm 134 tỷ đồng so với năm trước, tương đương 7.29%, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do giá bông, sợi giảm 20% so với năm trước làm doanh thu từ hoạt động sản xuất đạt 1.514,6 tỷ giảm 10.48% Doanh thu từ mảng BĐS trong năm đạt 190,4 tỷ đồng do ghi nhận doanh thu từ dự án khu đô thị Phú Xuân.

### III. Mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020

#### 1. Điều hành và quản trị công ty trong cả năm 2020

Cuộc chiến thương mại Mỹ Trung đã được ký kết giai đoạn 1, song dịch bệnh covid 19 bùng phát từ đầu năm 2020 và hiện tiếp tục lan ra toàn thế giới làm cho tất cả các nước không phân biệt giàu nghèo, phát triển hay không phát triển đều bị khủng hoảng, tê liệt và thiệt hại khủng khiếp trong đó có Việt Nam nói chung và công ty Damsan nói riêng. Để thích ứng với tình trạng khó khăn khủng khiếp hiện nay HĐQT và Ban lãnh đạo công ty đã có chủ trương điều hành và quản trị công ty như sau:

#### a. Sản xuất kinh doanh sợi, khăn

- Năm 2020 Nhà máy sợi EIFFEL chủ trương sẽ sản xuất ổn định trừ trường hợp bất khả kháng sẽ có kế hoạch thay thế

- Nhà máy sợi Damsan 1: Chạy hết đơn hàng và tạm thời đóng cửa sản xuất từ ngày 30/04/2020

- Nhà máy sợi OE: chạy hết đơn hàng, sẽ đóng máy bảo dưỡng bảo quản chờ diễn biến của dịch bệnh covid 19 và tín hiệu thị trường, nếu tốt sẽ hoạt động trở lại.

- Nhà máy dệt, may khăn: Hiện nhà máy đang hoạt động sản xuất hết công suất, đơn hàng đã ký hết tháng 6/2020 và tiếp tục tìm kiếm để đảm bảo sản xuất kinh doanh và lợi nhuận tối đa trong cả năm 2020 với khối lượng 1.600 tấn trị giá khoảng 8 triệu USD.

#### b. Bất động sản

- Dự án bất động sản: tập trung xây dựng nhà xây thô phường Quang Trung và dự án Phú Xuân đảm bảo việc làm ổn định cho ban quản lý dự án và tăng thu nhập cho công ty để bù cho lỗ của sợi bông.

- Dự án khu công nghiệp An Ninh: Đẩy nhanh xây dựng xong hạ tầng, đưa cấp thoát nước và đặc biệt là trạm xử lý nước thải để nhanh chóng thu hút nhà đầu tư thứ cấp vào đầu tư.

#### 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	% tăng (giảm) so với năm 2019
1	Doanh thu thuần	1.800	+5.6%
2	Lợi nhuận trước thuế	45	+370%
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	15%	0%
4	Lao động bình quân (người)	7 trđ/người	+8%

Chỉ tiêu về doanh thu dự kiến đạt 1.800 tỷ đồng, tăng 5.6% so với năm 2019 – tương đương tăng 95 tỷ đồng, chủ yếu đến từ doanh thu BĐS thu được từ bán nhà liền kề và biệt thự tại khu đô thị Phú Xuân – Damsan và khu dân cư tại HTX Hữu nghị Phường Bò Xuyên – TP Thái Bình.

Ban điều hành xây dựng kế hoạch LNST đạt 45 tỷ đồng, tăng 370% so với năm 2019, tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến 15% và lương lao động bình quân đạt khoảng 7 triệu đồng/người – tăng 8% so với năm 2019.

#### IV. Kế hoạch đầu tư mới

##### 1.1. Kế hoạch triển khai cụm công nghiệp An Ninh:

- Cụm công nghiệp An Ninh đã tiến hành và làm san lấp làm hạ tầng giai đoạn 1. Công ty dự kiến tới 30/9/2020 hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.

- Công ty đang chuẩn bị khởi công xây dựng Trạm xử lý nước thải.

- Công ty đã chào mời quảng cáo từ quý II/2019 với các nhà đầu tư.

- Hiện tại công ty đã hoàn thiện hồ sơ cho đối tác xin chủ trương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy sợi.

##### 1.2. Về đầu tư bất động sản:

\* Triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng tại Khu đất HTX Hữu Nghị, đã động thổ vào tháng 5/2020.

\* Tiếp tục hoàn thiện và triển khai dự án mới nhằm mang lại lợi nhuận cho công ty.

#### V. Kế hoạch tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh-đầu tư phát triển

Tổng tài sản công ty tuy lớn nhưng vốn điều lệ công ty còn rất khiêm tốn, công ty vừa đầu tư sản xuất kinh doanh ngành dệt may vừa đầu tư mở rộng, trong đó bất động sản cần vốn rất lớn. Hiện mức vay ngân hàng của Công ty khá cao gấp 2 lần vốn hiện có.

- Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ: 25,6 tỷ đồng (Thực hiện trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%)

- Phát hành trái phiếu có khả năng chuyển đổi cho đối tác: 50 tỷ đồng

+ Giá trị trái phiếu phát hành: 50 tỷ VND mệnh giá 1.000.000 đ/TP, lãi trái phiếu cố định 10%/năm lãi trả cuối kỳ.

+ Thời gian phát hành 3 năm

+ Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu 1 trái phiếu = 100 cổ phiếu

- Một phần thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận dự kiến năm 2020: 40 tỷ đồng



VI. Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm

Nhằm tối đa hóa lợi nhuận năm 2020, Ban Điều hành công ty đã có kế hoạch và các biện pháp giải pháp thực hiện các mục tiêu đề ra ngay từ đầu năm, cụ thể:

- **Tổ chức triển khai sản xuất kinh doanh theo hướng khai thác công suất cao nhất của các nhà máy sợi, máy dệt, xưởng khăn, đảm bảo chất lượng tốt nhất và chi phí giảm tối đa, nhằm duy trì sản lượng ổn định và thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị ở mức an toàn.**

- **Theo dõi thị trường để có những điều chỉnh về giá cả, kế hoạch vật tư phù hợp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất.**

- **Bám sát các cơ quan nhà nước để hoàn thiện thủ tục hồ sơ các dự án, kịp thời giải đáp và cung cấp các hồ sơ liên quan để các cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ để triển khai theo kế hoạch.**

*Trên đây là báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019 và kế hoạch dự kiến năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và giao HĐQT công ty Cổ phần Damsan chủ động quyết định phương án triển khai đối với từng công việc cụ thể, đảm bảo lợi ích và hiệu quả nhất cho Công ty.*

*Trân trọng cảm ơn!*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(đã ký)*

**VŨ HUY ĐÔNG**

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Thực hiện theo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Damsan, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Damsan xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019 và kế hoạch 2020 như sau:

### I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019

#### 1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Damsan năm 2019

##### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

*Đơn vị: Tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng (giảm) năm 2019/2018
1	Tổng tài sản	1.712	1.733	+1,23
2	Vốn chủ sở hữu	451,9	403,1	(10,80)
3	Doanh thu thuần	1.839	1.705	(7,29)
Trong đó	Doanh thu từ KD sợi, khăn	1.692	1.514,6	(10,48)
	Doanh thu từ BĐS	147	190,4	+29,52
6	Lợi nhuận trước thuế	61,50	9,60	(84,39)
7	Lợi nhuận sau thuế	56,40	7,86	(86,06)

*(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)*

Về quy mô tổng tài sản của công ty, năm 2019 giá trị tổng tài sản của công ty đạt mức 1.733 tỷ đồng, tăng 21 tỷ đồng, tương đương tăng 0.12% so với năm 2018

Doanh thu của công ty đạt hơn 1.705 tỷ đồng, giảm 134 tỷ đồng so với năm trước, tương đương 7.29%, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do giá bông, sợi giảm 20% so với năm trước làm doanh thu từ hoạt động sản xuất đạt 1.514,6 tỷ giảm 10.48% Doanh thu từ mảng BĐS trong năm đạt 190,4 tỷ đồng do ghi nhận doanh thu từ dự án khu đô thị Phú Xuân.

#### 2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra

Tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông năm 2019, ngoài các nhiệm vụ về sản xuất kinh doanh như đã báo cáo, công ty CP Damsan đã xác định một số nhiệm vụ cơ bản sẽ thực hiện trong năm 2019 và kết quả triển khai cụ thể như sau:

##### 1. Sản xuất sợi và xuất khẩu sợi :

+ Sản lượng sợi CD và sợi xe : 13.989 tấn

+ Sản lượng sợi OE : 3.844 tấn

##### 2. Sản xuất khăn và xuất khẩu khăn

+ Khăn cao cấp : 636.4 tấn

+ **Khản thủ công : 974.5 tấn**

### **3. Tổng doanh số : 1.705 tỷ**

## **II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

**Trong năm 2019, HĐQT công ty CP Damsan đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành khi thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT như sau:**

HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS và các giám đốc, người điều hành các đơn vị nắm rõ tình hình hoạt động của công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp TGD/Ban TGD hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHCĐ và HĐQT giao.

Định kỳ đại diện BKS báo cáo tại các cuộc họp HĐQT: tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại các bộ phận/đơn vị trong công ty; các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý đồng thời đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro; báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, trong đó nêu các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục. Qua đó HĐQT và BKS đánh giá kế hoạch hành động cũng như các giải pháp khắc phục có phù hợp với thực tế chưa để từ đó đưa ra các kiến nghị mang tính chất thực tiễn hơn.

Định kỳ nghe các Giám đốc/ điều hành đơn vị thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp HĐQT, kịp thời phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết.

HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, nhận định tình hình thị trường để từ đó rà soát lại kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT để TGD/Ban TGD có cơ sở triển khai thực hiện.

### **❖ Đánh giá chung**

Căn cứ Điều lệ, những quy chế và quy định đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban TGD quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHCĐ giao cho. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá TGD/Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Năm 2019 mặc dù kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra chưa đạt song Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực trong các công tác triển khai các hoạt động quản trị điều hành. Đồng thời cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

## **III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019**

### **1. Về nhân sự:**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Damsan nhiệm kỳ 2017-2022 có 06 thành viên gồm:

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành

3	Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT điều hành
5	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Ông Phạm Văn Thương	Thành viên HĐQT độc lập

## 2. Về tổ chức các cuộc họp HĐQT:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

### ❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019:

S T T	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	07	100%
2	Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành	07	100%
3	Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	07	100%
4	Ông Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT điều hành	07	100%
5	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	07	100%
6	Ông Phạm Văn Thương	Thành viên HĐQT độc lập	04	Thành viên mới tham gia từ 20/04/2019

### ❖ Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm:

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	15012019/NQ - HĐQT	15/01/2019	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và giao dịch với các bên liên quan
2	2202/2019-NQ/HĐQT	22/02/2019	- Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019

3	1004/2019-NQ/HĐQT	10/04/2019	Quyết định về việc thông qua phương án vay đầu tư xây dựng “Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình.
4	0605/2019-NQ/HĐQT	06/05/2019	Quyết định trả cổ tức năm 2018
5	01072019/NQ-HĐQT	01/07/2019	Quyết định về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện việc chuyển nhượng số cổ phần đã đầu tư vào Viện dệt may Việt Nam
6	01082019/NQ-HĐQT	01/08/2019	Quyết định về việc thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán soát xét BCTC 6 tháng đầu năm và kiểm toán BCTC năm 2019 của công ty
7	28122019/NQ-HĐQT	28/12/2019	Quyết định về việc triển khai các nhiệm vụ cụ thể của dự án cụm CN An Ninh và kế hoạch nghỉ ngơi và thưởng tết nguyên đán Canh Tý

### 3. Đánh giá chung hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2019, HĐQT công ty đã có nhiều nỗ lực, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- HĐQT định hướng và giám sát việc triển khai các dự án quan trọng của công ty như quản lý rủi ro, kiểm toán, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.

### 4. Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã phê duyệt, tình hình chi trả thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2018 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	120.000.000	
2	Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành	84.000.000	
3	Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	84.000.000	
4	Ông Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT không điều hành	84,000,000	
5	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không	84,000,000	

		điều hành		
6	Ông Phạm Văn Thượng	Thành viên HĐQT độc lập	42.000.000	

#### IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

##### 1. Mục tiêu

Xây dựng Công ty Công ty cổ phần Damsan vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

##### 2. Định hướng thực hiện

- Về tài chính: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.
- Về nhân sự: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.
- Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.
- Về công nghệ: Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.
- Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

##### 3. Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020

###### 3.1. Các chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	% tăng (giảm) so với năm 2019
1	Doanh thu thuần	1.800	+5.6%
2	Lợi nhuận trước thuế	45	+370%
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	15%	0%
4	Lao động bình quân (người)	7 trđ/người	+8%

Chỉ tiêu về doanh thu dự kiến đạt 1.800 tỷ đồng, tăng 5.6% so với năm 2019 – tương đương tăng 95 tỷ đồng, chủ yếu đến từ doanh thu BĐS thu được từ bán nhà liền kề và biệt thự tại khu đô thị Phú Xuân – Damsan và khu dân cư tại HTX Hữu nghị Phường Bò Xuyên – TP Thái Bình.

Ban điều hành xây dựng kế hoạch LNST đạt 45 tỷ đồng, tăng 370% so với năm 2019, tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến 15% và lương lao động bình quân đạt khoảng 7 triệu đồng/người, tăng 8% so với năm 2019.

## **B/ Giao dịch với các bên liên quan**

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Tên công ty	Giá trị giao dịch		Ghi chú
		Bán hàng	Mua hàng	
1	Công ty cổ phần sợi Eiffel	265 tỷ	593,5 tỷ	
2	Công ty TNHH thương mại và đầu tư xây dựng ACC	726,5 tỷ	781,1 tỷ	
3	Công ty TNHH Đông Phong	15,6 tỷ	65,4 tỷ	

### **3.2. Kế hoạch triển khai công tác liên quan đến những dự án BĐS đang thực hiện:**

- Dự án bất động sản: tập trung xây dựng nhà xây thô phường Quang Trung và dự án Phú Xuân đảm bảo việc làm ổn định cho ban quản lý dự án và tăng thu nhập cho công ty để bù cho lỗ của sợi bông.

- Dự án khu công nghiệp An Ninh: Đẩy nhanh xây dựng xong hạ tầng, đưa cấp thoát nước và đặc biệt là trạm xử lý nước thải để nhanh chóng thu hút nhà đầu tư thứ cấp vào đầu tư.

- Triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng tại Khu đất HTX Hữu Nghị, đã động thổ vào tháng 5/2020.

*Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Damsan trong năm 2019 và kế hoạch 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và giao HĐQT công ty CP Damsan chủ động quyết định phương án triển khai đối với từng công việc cụ thể, đảm bảo lợi ích và hiệu quả.*

*Trân trọng cảm ơn!*

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(đã ký)*

**VŨ HUY ĐÔNG**

**BAN KIỂM SOÁT**

Số 03/BC-ĐHĐCĐ/2020-BKS

-----o0o-----

Thái Bình, ngày 08 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO  
CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN NĂM 2020**

**Kính thưa: Đoàn Chủ tịch,**

**Quý đại biểu cổ đông tham dự đại hội.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Damsan;

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong Quy chế quản trị của công ty đã ban hành;

- Căn cứ Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)

- Căn cứ Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2019.

Thực hiện nhiệm vụ, chức năng của Ban kiểm soát theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Damsan. Ban kiểm soát chúng tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên gồm ba nội dung chính như sau :

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.
2. Kết quả giám sát các hoạt động năm 2019
3. Kế hoạch công tác năm 2020.

**PHẦN I: CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.**

**I. Nhân sự Ban kiểm soát. (Tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2016-2021)**

Năm 2019 có sự thay đổi về nhân sự: Do khối lượng công việc của Trưởng ban kiểm soát cần nhiều thời gian hơn, trong khi bà Vũ Thuỳ Linh hiện giữ chức Trưởng phòng kinh doanh công việc rất bận nên Ban kiểm soát chấp thuận cho bà Vũ Thuỳ Linh thôi giữ chức danh Trưởng ban kiểm soát công ty kể từ ngày 22/04/2019.

Các thành viên Ban kiểm soát thống nhất bầu bà Phạm Thị Hồi giữ chức danh Trưởng ban kiểm soát công ty kể từ ngày 22/04/2019.

Như vậy, ban kiểm soát gồm 03 thành viên đủ cơ cấu để hoạt động theo quy định của Điều lệ, gồm những ông bà có tên sau:

1. Bà Phạm Thị Hồi: Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Vũ Thuỳ Linh: Thành viên ban kiểm soát
3. Bà Tạ Thị Thu Hiền: Thành viên ban kiểm soát.

**II. Mục tiêu, các công việc đã thực hiện trong năm 2019.**



Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty.

Tổ chức họp hàng tháng để kiểm điểm, triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao.

Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch của Công ty năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc, tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong Công ty. Trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị.

Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng Quy chế, Quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.

Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty.

Năm 2019 lựa chọn Công ty Kiểm toán là **Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)** theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm định báo cáo Tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo (Quý, sáu tháng, và một năm) của Công ty.

Cử Trưởng BKS tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Tham gia hội nghị CNV người lao động, các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.

## **PHẦN II: KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY.**

### **I. Công tác quản lý, điều hành của Công ty.**

#### **1. Hội đồng quản trị (Tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2016-2021)**

Năm 2019 có sự thay đổi về nhân sự: Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập là ông Phạm Văn Thượng. Như vậy, Hiện tại HĐQT đủ cơ cấu để hoạt động theo quy định của Điều lệ, gồm những ông bà có tên sau:

1. Ông Vũ Huy Đông (Chủ tịch HĐQT)
2. Ông Nguyễn Lê Hùng (Thành viên HĐQT không điều hành)
3. Ông Đô Văn Khôi (Thành viên HĐQT không điều hành)
4. Ông Lê Văn Tuấn (Thành viên HĐQT không điều hành)
5. Ông Vũ Huy Đức (Thành viên HĐQT điều hành)
6. Ông Phạm Văn Thượng (Thành viên HĐQT độc lập)

Các hoạt động của HĐQT năm 2019 đã tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành. HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng

quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thường xuyên mời Trưởng ban kiểm soát tham dự. HĐQT đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch. Đề xuất giải quyết tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác những cơ hội thuận lợi, đầu tư phát triển hiệu quả, bảo toàn vốn, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT mang tính tập trung và có sự thống nhất cao, phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Việc tổ chức điều hành chiến lược phát triển SXKD của Công ty đều thực hiện trên cơ sở mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Phương án đầu tư và Dự án đầu tư cơ bản thực hiện đúng quy trình đầu tư với Điều lệ Công ty, đáp ứng chỉ đạo kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các giải pháp về thị trường, triển khai thực hiện đảm bảo tính nguyên tắc và hiệu quả.

**❖ Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2019:**

<b>ST T</b>	<b>Số nghị quyết/ quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
1	15012019/NQ - HĐQT	15/01/2019	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và giao dịch với các bên liên quan
2	2202/2019-NQ/HĐQT	22/02/2019	- Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019
3	1004/2019-NQ/HĐQT	10/04/2019	Quyết định về việc thông qua phương án vay đầu tư xây dựng “Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình.
4	0605/2019-NQ/HĐQT	06/05/2019	Quyết định trả cổ tức năm 2018
5	01072019/NQ-HĐQT	01/07/2019	Quyết định về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện việc chuyển nhượng số cổ phần đã đầu tư vào Viện dệt may Việt Nam
6	01082019/NQ-HĐQT	01/08/2019	Quyết định về việc thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán soát xét BCTC 6 tháng đầu năm và kiểm toán BCTC năm 2019 của công ty
7	28122019/NQ-HĐQT	28/12/2019	Quyết định về việc triển khai các nhiệm vụ cụ thể của dự án cụm CN An Ninh và kế hoạch nghỉ ngơi và thưởng tết nguyên đán Canh Tý

**2. Ban điều hành Công ty.**

Hoạt động của Công ty đã được ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Điều lệ Công ty.

Ban tổng giám đốc đã chủ động khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân công cơ cấu theo lĩnh vực và sát sao theo tình hình thực tế công việc. Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên đã được cơ cấu theo hướng tích cực, năng động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD về tài chính và nghĩa vụ quyền lợi rõ ràng hơn.

## II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2019.

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về các công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do HĐQT, Tổng giám đốc và các Phòng ban chức năng Công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét đánh giá sau đây:

Báo cáo tài chính được phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm 31/12/2019 được **Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)** kiểm toán, kiểm tra chấp thuận không có ý kiến ngoại trừ. Kết quả hoạt động SXKD và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đồng thời phù hợp các chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định Pháp lý liên quan.

### 1/Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công ty kiểm toán bởi công **Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)** kiểm toán. BKS thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động và Tài chính báo cáo năm 2019 của Công ty.

Số liệu tóm tắt ( Kính đề nghị Đoàn chủ tịch và các cổ đông xem ở bản kê chi tiết đính kèm

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,360,911,239,590</b>	<b>1,278,355,904,999</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>29,459,908,057</b>	<b>31,396,650,126</b>
1. Tiền	111		29,151,908,057	29,096,559,715
4. Các khoản tương đương tiền	112		308,000,000	2,300,090,411

<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>311,552,624,757</b>	<b>319,952,749,369</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		12,690,000,000	4,190,000,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		298,862,624,757	315,762,749,369
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>624,331,410,145</b>	<b>506,430,182,003</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	271,429,110,055	215,518,780,112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	164,190,434,793	113,175,022,817
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	62,534,268,061	67,878,793,683
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	137,009,562,369	119,450,505,803
8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10,831,965,133)	(9,592,920,412)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>387,962,001,237</b>	<b>400,102,945,667</b>
1. Hàng tồn kho	141		387,962,001,237	400,102,945,667
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7,605,295,394</b>	<b>20,473,377,834</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	363,422,245	389,142,030
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,645,679,452	19,208,408,697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	596,193,697	875,827,107
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>372,572,258,812</b>	<b>434,552,277,188</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>331,058,390,646</b>	<b>390,681,837,234</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	329,951,606,895	389,478,788,163
- Nguyên giá	222		705,490,322,453	727,266,620,651
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(375,538,715,558)	(337,787,832,488)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1,106,783,751	1,203,049,071
- Nguyên giá	228		2,285,306,375	2,285,306,375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,178,522,624)	(1,082,257,304)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>424,565,305</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	424,565,305
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>32,036,844,347</b>	<b>31,575,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32,036,844,347	31,575,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9,477,023,819</b>	<b>11,870,874,649</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	9,370,357,153	11,705,537,236
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		106,666,666	165,337,413
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b><u>1,733,483,498,402</u></b>	<b><u>1,712,908,182,187</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-  
DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,330,375,327,500</b>	<b>1,260,931,695,544</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,217,138,419,909</b>	<b>1,118,680,174,347</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	91,642,692,990	150,568,483,808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11,443,008,412	9,720,569,970
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3,662,179,003	1,917,522,294
7. Phải trả người lao động	314		4,297,672,732	5,071,305,573
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	812,396,903	420,804,166
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	176,396,614

10.	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	423,164,198,401	287,096,774,940
16.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	677,102,527,715	659,705,062,666
18.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5,013,743,753	4,003,254,316
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>113,236,907,591</b>	<b>142,251,521,197</b>
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	113,236,907,591	142,251,521,197
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>403,108,170,902</b>	<b>451,976,486,643</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>403,108,170,902</b>	<b>451,976,486,643</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		255,178,010,000	255,178,010,000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>255,178,010,000</i>	<i>255,178,010,000</i>
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		60,283,587,273	60,283,587,273
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		2,294,024,276	2,294,024,276
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418		10,174,889,750	8,659,155,594
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36,960,265,171	82,675,917,352
-	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>29,114,091,759</i>	<i>32,151,445,496</i>
-	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>7,846,173,412</i>	<i>50,524,471,856</i>
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38,217,394,432	42,885,792,148
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>		<b>440</b>		<b><u>1,733,483,498,402</u></b>	<b><u>1,712,908,182,187</u></b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>1,705,142,316,528</b>	<b>1,839,442,890,839</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	336,700,205
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>1,705,142,316,528</b>	<b>1,839,106,190,634</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>1,648,339,046,507</b>	<b>1,709,214,196,484</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>56,803,270,021</b>	<b>129,891,994,150</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	31,607,554,133	28,438,178,916
7. Chi phí tài chính	22	26	48,894,397,607	62,509,756,314
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>42,354,564,073</i>	<i>41,563,073,169</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		461,844,347	-
9. Chi phí bán hàng	25	27	11,480,293,586	11,125,290,346
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	21,479,254,192	30,773,445,415
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>7,018,723,116</b>	<b>53,921,680,991</b>
12. Thu nhập khác	31	29	3,576,125,740	8,331,580,952
13. Chi phí khác	32	30	957,383,031	744,772,323
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2,618,742,709</b>	<b>7,586,808,629</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>9,637,465,825</b>	<b>61,508,489,620</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1,296,465,957	4,838,665,676
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		58,670,748	229,481,330
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>8,282,329,120</b>	<b>56,440,342,614</b>
<b>19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>	<b>61</b>		<b>7,846,173,412</b>	<b>50,524,471,856</b>
<b>20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát</b>	<b>62</b>		<b>436,155,708</b>	<b>5,915,870,758</b>
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>32</b>	<b>301</b>	<b>1,940</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND

<b>I.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	9,637,465,825	61,508,489,620
6.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	59,676,578,052	61,574,671,519
-	Các khoản dự phòng	03	1,239,044,721	1,546,036,341
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1,115,402,191	3,860,122,453
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30,416,399,019)	(27,630,352,381)
-	Chi phí lãi vay	06	42,354,564,073	41,563,073,169
13.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	83,606,655,843	142,422,040,721
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(112,597,126,990)	(168,281,664,680)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12,140,944,430	(106,195,542,489)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	82,513,760,028	125,527,411,030
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2,360,899,868	(920,754,878)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(8,500,000,000)	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(41,958,556,518)	(41,684,898,554)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2,276,278,212)	(7,419,436,188)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	15,290,298,449	(56,552,845,038)
<b>II.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,837,597,224)	(7,699,924,929)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	5,598,005,740	14,398,983,096
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(104,307,631,121)	(316,614,831,034)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	126,552,281,355	260,033,050,814
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(31,575,000,000)
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28,578,941,904	31,037,197,714
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	53,584,000,654	(50,420,524,339)
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	1,989,934,639,398	2,232,372,915,704
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(2,002,666,164,925)	(2,211,915,564,094)
3.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(2,144,218,184)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(58,078,490,424)	(52,135,552,000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(70,810,015,951)	(33,822,418,574)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(1,935,716,848)	(140,795,787,951)
	<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	31,396,650,126	172,247,764,083
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1,025,221)	(55,326,006)
	<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>	70	29,459,908,057	31,396,650,126

Tóm lại, qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán, BKS xem xét không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo thể hiện đầy đủ, rõ ràng không có số liệu phải điều chỉnh, loại trừ. Còn các chỉ tiêu khác kính đề nghị đoàn Chủ tịch và các Cổ đông xem file đính kèm.

## **2. Kế hoạch triển khai công tác liên quan đến những dự án BĐS đang thực hiện:**

- Dự án bất động sản: tập trung xây dựng nhà xây thô phường Quang Trung và dự án Phú Xuân đảm bảo việc làm ổn định cho ban quản lý dự án và tăng thu nhập cho công ty để bù cho lỗ của sợi bông.

- Dự án khu công nghiệp An Ninh: Đẩy nhanh xây dựng xong hạ tầng, đưa cấp thoát nước và đặc biệt là trạm xử lý nước thải để nhanh chóng thu hút nhà đầu tư thứ cấp vào đầu tư.

- Triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng tại Khu đất HTX Hữu Nghị, đã động thổ vào tháng 5/2020.

## **III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban giám đốc và cổ đông.**

Nhìn chung năm 2019 BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Trong năm 2019 BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

## **IV. Kiến nghị của BKS.**

**1. Từ những đánh giá và kiến nghị về kết quả hoạt động nêu trên, BKS đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.**

Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của Ban Tổng giám đốc Công ty về kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã trình Đại hội.

### **2. Kiến nghị của BKS đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.**

Trên cơ sở các vấn đề trên, để từng bước nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD của Công ty, BKS có một số ý kiến sau:

+ Đề nghị HĐQT, Ban Tổng giám đốc tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc cơ cấu bộ máy Tài chính và kế hoạch của Công ty.

+ Trong tình hình kinh tế hiện nay, HĐQT và Ban Tổng giám đốc cần chú trọng quản trị rủi ro, đánh giá và xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, năng lực quản lý... Làm cơ sở cho việc thực hiện, quản lý tất cả các mặt hoạt động SXKD của Công ty, đồng thời lên kế hoạch xây dựng được chiến lược tổng thể dài hạn trong việc đầu tư các dự án

+ Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm soát nội bộ để phát hiện, cảnh báo và đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời.

## **PHẦN III: KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT.**



Tham gia soát xét Báo cáo tài chính năm 2020 cùng với Kiểm toán độc lập, kiểm tra các hoạt động đầu tư, xây dựng, thực hiện các dự án của Công ty.

Kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong việc:

- Thực hiện chiến lược của Công ty do Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.
- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty.
- Sử dụng hiệu quả đồng vốn của cổ đông.
- Chấp hành đúng Điều lệ của Công ty.
- Thực hiện tiến độ huy động vốn cho Đầu tư và kế hoạch dòng tiền sử dụng cho năm 2020.

Tổ chức thẩm định Báo cáo Tài chính Quý, 6 tháng, một năm. Kiểm tra việc thực hiện tổ chức công tác Tài chính kế toán, công tác khác.

Trên đây là báo cáo tình hình kiểm soát các hoạt động năm 2019 của Công ty Cổ phần Damsan. Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**(Trưởng ban)**

**(đã ký)**

**Phạm Thị Hồi**

Số: 01/TTr-ĐHĐCĐ

Thái Bình, ngày 08 tháng 06 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

*V/v: Thông qua các báo cáo HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám Đốc*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Damsan**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Damsan;

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:**

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát;
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về Tổng kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT; HĐQT.  
(Tài liệu ĐHĐCĐ 2020).

*(đã ký)*

**VŨ HUY ĐÔNG**

Số : 02/TTr-ĐHĐCĐ

Thái Bình, ngày 08 tháng 06 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

*V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Damsan**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Damsan.

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:**

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty Cổ phần Damsan được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam, ký ngày 25 tháng 03 năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**VŨ HUY ĐÔNG**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông....;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu VT; HĐQT.

(Tài liệu ĐHĐCĐ 2020).

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020***(Thông qua việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020)***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Damsan**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Damsan;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Damsan đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

**I. Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức cho năm 2019 cụ thể như sau:**

Chỉ tiêu	Năm 2019 (ĐVT: Tr.VNĐ)
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>9.637,46</b>
<b>2. Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>1.296,46</b>
<b>3. Lợi nhuận sau thuế năm 2019</b>	<b>8.282,32</b>
<b>4. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ</b>	<b>7.846,17</b>
<b>5. Phân phối lợi nhuận</b>	<b>7.846,17</b>
4.1. Quỹ dự trữ bắt buộc	-
4.2. Quỹ đầu tư phát triển (3%)	253,3
4.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2%)	156,9
4.4. Lợi nhuận sau phân phối các quỹ	7.435,97
<b>5. Lợi nhuận để lại từ các năm trước</b>	<b>29.114,09</b>
<b>6. Tổng lợi nhuận đến hết năm 2019</b>	<b>36.960,26</b>
<b>7. Đề nghị chia cổ tức 10%</b>	<b>25.517,80</b>
<b>8. Lợi nhuận chuyển năm sau</b>	<b>11.442,46</b>

**II. Chia cổ tức 2019**

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả và thực hiện việc chi trả. Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: Mức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 10%, chi tiết như theo Tờ trình số 07/TTr-ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

### **III. Triển khai thực hiện**

Sau khi phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giao cho HĐQT thực hiện trả cổ tức dự kiến trong quý III/2020.

### **IV. Đề xuất năm 2020**

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần Damsan, HĐQT đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 là 15% bằng tiền.

*Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT; HĐQT.  
(Tài liệu ĐHĐCĐ 2020).

*(đã ký)*

**VŨ HUY ĐÔNG**

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020****V/v thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Damsan**

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Damsan;

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:**

Để đảm bảo cho hoạt động của HĐQT và BKS trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, căn cứ vào Kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Damsan năm 2019 và các quy định của Nhà nước, Công ty xin báo cáo tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2019 và xin đề xuất tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2020 như sau:

**- Thù lao thành viên HĐQT**

STT	Chức danh	Mức thù lao/tháng năm 2019	Đề xuất mức thù lao/tháng năm 2020
1	Chủ tịch hội đồng quản trị	10.000.000 VNĐ	10.000.000 VNĐ
2	Thành viên hội đồng quản trị	7.000.000 VNĐ	7.000.000 VNĐ

**- Thù lao của các thành viên BKS**

STT	Chức danh	Mức thù lao/tháng năm 2019	Đề xuất mức thù lao/tháng năm 2020
1	Trưởng ban kiểm soát	3.000.000 VNĐ	3.000.000 VNĐ
2	Thành viên ban kiểm soát	2.000.000 VNĐ	2.000.000 VNĐ

\* Tổng mức thù lao:

Tổng mức thù lao	Báo cáo thù lao năm 2019
Hội đồng Quản trị	505.000.000 VNĐ
Ban kiểm soát	84.000.000 VNĐ

Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

**\* Ngân sách hoạt động:**

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh từ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

***Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!***

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

(Tài liệu ĐHCĐ 2020).

**(đã ký)**

**VŨ HUY ĐÔNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Số: 05/TTr- ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
*Thái Bình, ngày 08 tháng 06 năm 2020*

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

***V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020***

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Damsan**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Damsan;
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:**

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Cổ đông;
  - HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
  - Lưu VT; HĐQT.
- (Tài liệu ĐHĐCĐ 2020).

***(đã ký)***

**VŨ HUY ĐÔNG**



## TỜ TRÌNH

*V/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Damsan**

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Damsan được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua ngày 14/04/2018;

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:**

1. Thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty: Thay đổi khoản 4 Điều 2 Điều lệ Công ty như sau:

- Nội dung cũ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật
- Nội dung sửa đổi: Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị công ty .

2. Bổ sung trình tự, thủ tục và yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên HĐQT yêu cầu người Quản lý công ty cung cấp thông tin cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. Cụ thể:

- Bổ sung điểm (s) khoản 3 Điều 31 Điều lệ công ty: “Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 (hai mươi tư) giờ”.

Quý cổ đông có thể tham khảo tại Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được đăng tại website <http://www.damsanjsc.vn/>

Các quy định của Điều lệ Công ty được thay đổi/bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu VT; HĐQT.  
(Tài liệu ĐHĐCĐ 2020).

*(đã ký)*

**VŨ HUY ĐÔNG**

## TỜ TRÌNH

*V/v: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Damsan**

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Damsan được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua ngày 14/04/2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Damsan.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Damsan kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu như sau:

- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 25.517.801 cổ phiếu.
- Tổng số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 2.551.780 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá): 25.517.801.000 đồng (Hai mươi năm tỷ năm trăm mười bảy triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng).
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Damsan có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu trả cổ tức do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Tỷ lệ phát hành: 10% tương đương 100:10 (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ sẽ nhận được thêm 10 cổ phần mới).
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.  
*Ví dụ:* Tại ngày đăng ký cuối cùng, Cổ đông Phạm Văn A sở hữu 152 cổ phiếu, cổ đông A sẽ được chia cổ tức bằng cổ phiếu được tính như sau:  $152:100 \times 10 = 15,2$  cổ phiếu. Cổ đông A sẽ nhận được 15 cổ phiếu mới (cổ phiếu lẻ 0,2 sẽ bị hủy bỏ).
- Nguồn vốn sử dụng: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Damsan.

- *Thời điểm phát hành:* Trong quý III năm 2020.
- *Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung:* Số cổ phần phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký lưu ký và niêm yết tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định pháp luật.
- *Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:*
  - Triển khai phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm phát hành;
  - Thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan đến đợt phát hành. Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) ngay sau khi hoàn thành đợt phát hành;
  - Thực hiện các thủ tục sửa đổi tăng Vốn Điều lệ trong Điều lệ Công ty theo kết quả của đợt phát hành và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo kết quả của đợt phát hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT; HĐQT.  
(Tài liệu ĐHĐCĐ 2020).

*(đã ký)*

**VŨ HUY ĐÔNG**

**TỜ TRÌNH****V/v: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Damsan**

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Damsan được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua ngày 14/04/2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Damsan.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Damsan kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu như sau:

- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 25.517.801 cổ phiếu.
- Tổng số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 2.551.780 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá): 25.517.801.000 đồng (Hai mươi năm tỷ năm trăm mười bảy triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng).
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Damsan có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu trả cổ tức do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Tỷ lệ phát hành: 10% tương đương 100:10 (tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ sẽ nhận được thêm 10 cổ phần mới).
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.  
*Ví dụ:* Tại ngày đăng ký cuối cùng, Cổ đông Phạm Văn A sở hữu 152 cổ phiếu, cổ đông A sẽ được chia cổ tức bằng cổ phiếu được tính như sau:  $152:100 \times 10 = 15,2$  cổ phiếu. Cổ đông A sẽ nhận được 15 cổ phiếu mới (cổ phiếu lẻ 0,2 sẽ bị hủy bỏ).
- Nguồn vốn sử dụng: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Damsan.

- *Thời điểm phát hành:* Trong quý III năm 2020.
- *Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung:* Số cổ phần phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký lưu ký và niêm yết tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định pháp luật.
- *Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:*
  - Triển khai phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm phát hành;
  - Thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan đến đợt phát hành. Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) ngay sau khi hoàn thành đợt phát hành;
  - Thực hiện các thủ tục sửa đổi tăng Vốn Điều lệ trong Điều lệ Công ty theo kết quả của đợt phát hành và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo kết quả của đợt phát hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*(đã ký)*

***Nơi nhận:***

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT; HĐQT.  
(Tài liệu ĐHCĐ 2020).

**VŨ HUY ĐÔNG**

Số: 08/TTr-DHĐCĐ

Thái Bình, ngày 08 tháng 06 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**(V/v: Góp vốn mua cổ phần tại CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH (công ty dự kiến thành lập) để Đầu tư Xây dựng tuyến đường BOT Thái Bình – Cầu Ngàn)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Damsan;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua Kế hoạch Góp vốn mua cổ phần tại CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH (công ty dự kiến thành lập) để Đầu tư Xây dựng tuyến đường BOT Thái Bình – Cầu Ngàn

**1. Góp vốn mua cổ phần tại CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH (công ty dự kiến thành lập):**

- Số cổ phần đăng ký mua: 10.989.000 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá trị cổ phần theo mệnh giá: 109.890.000.000 đồng Giá bán cổ phần đăng ký mua: 10.000 đồng/cổ phần Giá trị cổ phần theo giá bán: 109.890.000.000 đồng
- Như vậy, sau khi hoàn tất việc góp vốn mua cổ phần thì phần vốn góp cổ phần sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN tại CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH là 109.890.000.000 đồng, tương ứng 10.989.000 cổ phần phổ thông, chiếm 33% vốn điều lệ của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH (trong đó: i) Vốn bằng tiền Đồng Việt Nam: 109.890.000.000 đồng; ii) Vốn khác: 0 đồng).
- Thời điểm góp vốn: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

**2. Cử người đại diện phần vốn góp cổ phần của CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN tại CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH như sau:**

Họ và tên: VŨ HUY ĐÔNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 21/06/1955

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Căn cước công dân số: 034055003633

Ngày cấp: 23/10/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 01, đường Lê Trọng Thứ, Khu đô thị 3, tổ 27, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 01, đường Lê Trọng Thứ, Khu đô thị 3, tổ 27, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Đại diện phần vốn góp cổ phần của CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN tại CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH là 109.890.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm linh chín tỷ tám trăm

chín mươi triệu đồng Việt Nam), tương ứng 10.989.000 cổ phần phổ thông, chiếm 33% vốn điều lệ của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH.

### **3. Nguồn vốn tham gia**

- Thực hiện: Tăng vốn điều lệ: 25,6 tỷ đồng (Thực hiện trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%)
- Phát hành trái phiếu có khả năng chuyển đổi cho đối tác: 50 tỷ đồng
  - + Giá trị trái phiếu phát hành: 50 tỷ VND mệnh giá 1.000.000 đ/TP, lãi trái phiếu cố định 10%/năm lãi trả cuối kỳ.
  - + Thời gian phát hành 3 năm
  - + Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu 1 trái phiếu = 100 cổ phiếu
- Một phần thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận dự kiến năm 2020: 40 tỷ đồng

### **4. Thời gian thực hiện dự án**

- Thời gian triển khai giải phóng mặt bằng dự kiến cuối năm 2020
- Thời gian dự kiến bắt đầu xây dựng: Năm 2021
- Thời gian dự kiến hoàn thành: năm 2023

### **5. Ủy quyền**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến việc góp vốn mua cổ phần nêu trên.

Trên đây là Tờ trình về việc Góp vốn mua cổ phần tại CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SDPH (công ty dự kiến thành lập) để Đầu tư Xây dựng tuyến đường BOT Thái Bình – Cầu Ngàn. Công ty cổ phần DamSan kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua để Công ty Cổ phần Damsan có cơ sở triển khai thực hiện.

Trân trọng cảm ơn!

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu TC-NS

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**(đã ký)**

**VŨ HUY ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

---



**DỰ THẢO ĐIỀU LỆ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN**

*Thái Bình, ngày ... tháng ... năm 2020*



PHẦN MỞ ĐẦU.....	43
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	43
Điều 1. Định nghĩa.....	43
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	43
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	43
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
44	
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	44
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	45
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	45
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	45
Điều 6. Cổ phiếu .....	46
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông .....	46
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	47
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	47
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	48
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông .....	48
Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	48
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	49
Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	49
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	49
Điều 14. Quyền của cổ đông.....	49
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông.....	50
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông .....	51
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	52
Điều 18. Các đại diện được ủy quyền.....	53
Điều 19. Thay đổi các quyền .....	53
Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	54
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	55
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	55

Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	57
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	58
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	59
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	59
Điều 27. Hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông,.....	59
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>60</b>
Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	60
Điều 29. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	60
Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	61
Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....	62
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	64
Điều 33. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	64
Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	66
Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty .....	67
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	<b>67</b>
Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý.....	67
Điều 37. Người điều hành.....	67
Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc..	68
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>69</b>
Điều 39. Kiểm soát viên.....	69
Điều 40. Ban kiểm soát.....	70
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>70</b>
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng .....	71
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	71
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	71
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>72</b>
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	72
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>72</b>
Điều 45. Công nhân viên và Công đoàn .....	72
<b>XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN .....</b>	<b>73</b>
Điều 46. Cổ tức .....	73
Điều 47. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	73

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN .....	73
Điều 48. Tài khoản ngân hàng .....	73
Điều 49. Năm tài chính .....	74
Điều 50. Chế độ kế toán.....	74
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....	74
Điều 51. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý .....	74
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	74
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....	74
Điều 53. Kiểm toán .....	74
XVII. CON DẤU .....	75
Điều 54. Con dấu .....	75
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	75
Điều 55. Chấm dứt hoạt động .....	75
Điều 56. Thanh lý.....	75
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....	76
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	76
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....	76
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	76
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	76
Điều 59. Ngày hiệu lực .....	76

## PHẦN MỞ ĐẦU

Chúng tôi, những cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông “Công ty Cổ phần Damsan” đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng thực hiện cam kết những quy định trong bản Điều lệ này. Bản Điều lệ này sẽ chi phối mọi hoạt động của Công ty.

Điều lệ này đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ 10, được các cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2020 nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 và cùng cam kết thực hiện.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
  - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
  - c. “Luật Chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
  - e. "Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ.
  - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
  - g. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.
  - h. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.
  - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

### II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Damsan
  - Tên tiếng Anh: Damsan Joint Stock Company
  - Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Damsan
  - Tên viết tắt: DAMSAN JSC
  - Biểu tượng:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Lô A4 - Đường Bùi Viện – Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh – Thành phố Thái Bình
- Điện thoại: (0227) 3642.311
- Fax: (0227) 3642.312
- E-mail: Damsanjsc@vnn.vn
- Website: [www.damsanjsc.vn](http://www.damsanjsc.vn)

4. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh (trong và ngoài nước) để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty kể từ khi thành lập và là vô thời hạn.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Sản xuất sợi	1311
2	Sản xuất vải dệt thoi	1312
3	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
4	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
5	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
6	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn)	4641
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông)	4669
8	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

	Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh	
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may	4659
10	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn kim loại màu (Trừ vàng)	4662
11	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
15	Xây dựng nhà các loại	4100
16	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ)	4210
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng)	4290
18	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; Tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

- Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty được tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 255.178.010.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm tỷ một trăm bảy mươi tám triệu không trăm mười ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ được chia thành: 25.517.801 (Hai lăm triệu lăm trăm mười bảy nghìn tám trăm linh một) Cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 6. Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó.

2. Trường hợp, cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được uỷ quyền. Cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.

3. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a. Cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ;

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10 (mười) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười năm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

## **Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung thông tin về mình trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty. trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.



## **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty được Hội đồng quản trị phê duyệt tùy từng thời điểm cụ thể trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

## **Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty quy định tại Điều 11 và Điều 12 điều lệ này chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 14. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 119 và Khoản 1 Điều 126 Luật doanh nghiệp;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa

vụ với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Điều lệ này;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 29 và Khoản 4 Điều 39 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

## **Điều 16. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không qua 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo sáu tháng soát xét hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm giá một phần ba so với số thành viên quy định tại Điều lệ này – trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này của Điều lệ này; Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp; Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục, triệu tập và tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này được Đại hội đồng cổ đông thông qua căn cứ theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
  - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
1. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - n. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - o. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
  - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 18. Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 19. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b và c Khoản 4 Điều 16.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; công bố thông tin trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán.

c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát);

- Phiếu biểu quyết;

- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

d. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Điểm c, Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

### **Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

5. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ đối từng vấn đề sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.



3. Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, thì trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất. Riêng chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng: (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; (b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi Đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- f. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trường hợp tổ chức cuộc họp trực tiếp) hoặc ít nhất tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

## **Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

Nghị Quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **Điều 27. Hiệu lực nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này sẽ đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập liên quan.

### **Điều 29. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các người điều hành khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

g. Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi; đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu chuyển đổi, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

i. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

j. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp;

k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

l. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm 1 và n Khoản 2 Điều 17 và Điểm b Khoản 5 Điều 42 Điều lệ này;

m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc hay người điều hành khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó, cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

n. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

q. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

s. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích riêng liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản Lý khác trong Công ty cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 (hai mươi tư) giờ.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2, Điều 149 của Luật doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một



khảo tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - f. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

### **Điều 33. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (5) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể thay đổi hoặc huỷ bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải bảo đảm mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

#### 10. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một (01) hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 42 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (fax, thư, thư điện tử) được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

13. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

## **Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, một (hoặc một số) Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

### **Điều 37. Người điều hành**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự cẩn thận cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### **Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. **Bổ nhiệm:** Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành một mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tổng giám đốc công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

4. **Quyền hạn và nhiệm vụ:** Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. **Bãi nhiệm.** Tổng giám đốc Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

b. Có đơn xin từ chức.

c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 39. Kiểm soát viên**

1. Số lượng kiểm soát viên phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

e. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;

f. Là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

3. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán và có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên:

a) Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

b) Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 40. Ban kiểm soát**

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- i. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48h, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Tổng mức thù lao, tiền lương và các lợi ích khác cho các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

## **Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

## **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.



2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2 Điều 29 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên website của công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và Công đoàn**

Tổng giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.

Tổng giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

#### **Điều 46. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty, mức cổ tức và hình thức chi trả cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 47. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Trích lập quỹ Đầu tư phát triển, quỹ Dự phòng tài chính, quỹ Khen thưởng, phúc lợi tùy thuộc vào lợi nhuận thu được hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 48. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 49. Năm tài chính**

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

#### **Điều 50. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 51. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 của Điều lệ này, và trong thời theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (khi niêm yết, đăng ký giao dịch) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính riêng phải công bố thông tin báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng soát xét và báo cáo tài chính quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 52. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 53. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 54. Con dấu**

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 55. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 56. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty hoặc Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- d. Nợ thuế;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài Thương mại chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 59. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương và 59 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Damsan nhất trí thông qua ngày ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản điều lệ này có hiệu lực từ thời điểm thông qua và thay thế các Điều lệ của Công ty trước đây.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
  - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố
  - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

*Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**VŨ HUY ĐÔNG**